

Số: 29 /2023/QĐ-UBND

Tây Ninh, ngày 20 tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy định tiêu chí chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Thực hiện Quyết định số 1265/QĐ-BTTTT ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố Tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ sự nghiệp công thuộc lĩnh vực thông tin, tuyên truyền đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 1624/TTr-STTTT ngày 20 tháng 9 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này quy định tiêu chí chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra,

nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 10 năm 2023.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Tây Ninh, Giám đốc Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan việc đặt hàng tuyên truyền chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận: 

- Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Cục KTVBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT:TU, HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- UBMTTQVN và tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Tổ chức xã hội, nghề nghiệp;
- Lực lượng vũ trang;
- Như Điều 3;
- Các cơ quan, đơn vị trung ương trên địa bàn tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Sở Tư pháp;
- Đài PT-TH Tây Ninh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Trung tâm Công báo – Tin học tỉnh;
- Phòng KGVX;
- Lưu: VT, VP.UBND tỉnh.

6

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

CHỦ TỊCH



Võ Đức Trọng



QUY ĐỊNH

Tiêu chí chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh

(Kèm theo Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định tiêu chí chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh.

2. Các nội dung khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình không điều chỉnh tại quy định này thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng tuyên truyền sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình.

2. Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh.

Điều 3. Tiêu chí chất lượng sản phẩm dịch vụ công

1. Tiêu chí về nội dung sản phẩm chương trình phát thanh, truyền hình: Gồm 13 tiêu chí, trong đó:

a) 06 tiêu chí yêu cầu chung về sản phẩm, gồm: Chủ đề, nội dung, thể loại, ngôn ngữ, số lượng, thời lượng;

b) 04 tiêu chí về phát sóng, gồm: Khung giờ, tần suất phát sóng, kênh chương trình được phát sóng; trên dịch vụ phát thanh, truyền hình giao thức Internet (IPTV) hoặc truyền hình cung cấp internet tốc độ cao (OTT TV) đối với trường hợp yêu cầu cung cấp chương trình theo yêu cầu (VOD);

c) 02 tiêu chí về địa bàn phát sóng và đối tượng phục vụ chủ yếu;

d) 01 tiêu chí về phát hành sản phẩm đối với sản phẩm thông tin đối ngoại, căn cứ mục tiêu để lựa chọn cách thức phát hành phù hợp.

2. Tiêu chí về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình: Được phân thành các tiêu chí thành phần đối với sản phẩm chương trình phát

thanh; sản phẩm chương trình truyền hình; chương trình cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình, cụ thể:

a) Đối với sản phẩm chương trình phát thanh: Gồm 02 tiêu chí yêu cầu về chất lượng truyền dẫn phát sóng theo các phương thức FM và trên mạng Internet;

b) Đối với sản phẩm chương trình truyền hình: Gồm 08 tiêu chí, trong đó:

01 tiêu chí yêu cầu về chất lượng tín hiệu chương trình truyền hình gồm yêu cầu về định dạng và độ phân giải khi hiển thị trên màn hình;

07 Tiêu chí yêu cầu về chất lượng truyền dẫn, phát sóng theo các phương thức khác nhau (Cáp: tương tự, số, IPTV; số mặt đất, số vệ tinh, di động, Internet);

c) Đối với cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình: Gồm 02 tiêu chí yêu cầu khi cung cấp qua dịch vụ IPTV hoặc OTT TV;

3. Tiêu chí về lưu trữ sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình: Gồm 01 tiêu chí, yêu cầu về quy cách lưu trữ sản phẩm.

Điều 4. Các tiêu chí cụ thể

1. Tiêu chí về nội dung sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định	Ghi chú
1	Chủ đề truyền	Theo hợp đồng đặt hàng và/ hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	
2	Nội dung truyền	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	
3	Thể loại chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	Phù hợp với thể loại chương trình được quy định tại bộ định mức kinh tế kỹ thuật sản xuất chương trình phát thanh, truyền hình do UBND tỉnh ban hành.

4	Ngôn ngữ thể hiện	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	
5	Số lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	
6	Thời lượng chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	
7	Khung giờ/thời điểm phát sóng trong ngày	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình
8	Tần suất phát sóng (Phát mới, phát lại - nếu có)	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình.
9	Kênh chương trình	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	Áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình. -Trên sản phẩm có hiển thị logo kênh chương trình
10	Dịch vụ phát thanh,	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt.	Áp dụng đối với trường hợp sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình

	truyền hình	duyet của cơ quan có thẩm quyền.	- Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	truyền hình cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) trên dịch vụ phát thanh, truyền hình IPTV hoặc trên mạng internet (OTT TV) theo yêu cầu đặt hàng/đầu thầu.
11	Đối tượng phục vụ chủ yếu	Theo Hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo Quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền	-Đối chiếu với Hợp đồng đặt hàng hoặc Quyết định phê duyệt. -Đáp ứng yêu cầu đánh giá Đạt.	Chỉ áp dụng tiêu chí này đối với đối tượng đặc thù là thiểu số, đồng bào dân tộc thiểu số, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài (nếu có).
12	Địa bàn phát sóng	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	- Chỉ áp dụng tiêu chí này đối các sản phẩm thông tin đối ngoại.
13	Phát hành sản phẩm	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	- Chỉ áp dụng tiêu chí này đối với các sản phẩm thông tin đối ngoại. Phương thức phát hành: Phát hành sản phẩm trên mạng xã hội;
Đơn vị được đặt hàng cung cấp các hồ sơ để đối chiếu (áp dụng đối với trường hợp chương trình được đặt hàng để phát sóng trên kênh chương trình) gồm: Sản phẩm; báo cáo kết quả thực hiện; phiếu nghiệm thu từng sản phẩm trước khi phát sóng của Hội đồng nghiệm thu có thẩm quyền; biên bản nghiệm thu tất cả các sản phẩm đặt hàng; giấy xác nhận phát sóng các chương trình của Kênh chương trình. Báo cáo kết quả thực hiện, Phiếu nghiệm thu và Biên bản nghiệm thu có thể lựa chọn các mục từ 1 đến 13 theo từng trường hợp cụ thể để phù hợp yêu cầu.				

2. Tiêu chí về kỹ thuật, truyền dẫn phát sóng sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định	Ghi chú
I Đối với sản phẩm chương trình phát thanh				
1	Được truyền dẫn, phát sóng trên máy phát FM	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6850-1 :2001 Máy phát thanh sóng cực ngắn (FM)- Phần 1: Thông số cơ bản.	- Căn cứ theo công bố của đơn vị, tổ chức có máy phát hoặc kết quả đo kiểm trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	- Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông (TTTT) chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện.
2	Chất lượng tín hiệu âm thanh khi truyền dẫn phát thanh trên hạ tầng mạng Internet	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298 : 2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	- Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện.
II Đối với sản phẩm truyền hình				
1	Chất lượng tín hiệu truyền hình	- Độ phân giải hình ảnh PAL 768x576. - Đối với tín hiệu số (SDTV): Định dạng tín hiệu H.264/MPEG4, độ phân giải 576p. - Đối với tín hiệu số (HDTV): Định	- Căn cứ hiển thị chất lượng tín hiệu chương trình trên màn hình chuyên dụng của Đài hoặc đơn vị nhận đặt hàng.	

		dạng tín hiệu H.264/MPEG4, độ phân giải 720p, 1080i, 1080p.	- Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	
2	Chất lượng truyền dẫn phát sóng			
2.1	Chất lượng truyền dẫn phát sóng truyền hình trên hạ tầng truyền hình số vệ tinh	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 79:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình số vệ tinh DVB-S và DVB-S2 tại điểm thu.	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.
2.2	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp tương tự	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 87:2020/BTTTT về tín hiệu truyền hình cáp tương tự tại điểm kết nối thuê bao	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.

2.3	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp IPTV	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 84:2014/BTTTT về chất lượng dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng.	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.
2.4	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình cáp số	Theo quy chuẩn kỹ thuật QCVN 85:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình cáp số DVB-C tại điểm kết nối thuê bao hoặc QCVN 121:2020 về chất lượng dịch vụ truyền hình cáp số ứng dụng công nghệ DVB-T2	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.
2.5	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng truyền hình kỹ thuật số mặt đất	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 83:2014/BTTTT về chất lượng tín hiệu truyền hình	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.

		số mặt đất DVB-T2 tại điểm thu.	Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	
2.6	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng mạng viễn thông di động mặt đất IMT-2000	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 11302:2016 về dịch vụ truyền hình Streaming trên mạng viễn thông di động mặt đất IMT- 2000- Yêu cầu chất lượng	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.
2.7	Truyền dẫn phát sóng trên hạ tầng mạng Internet (OTT TV)	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298 : 2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	- Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. - Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện.
III	Cung cấp trong gói dịch vụ theo yêu cầu (VOD) của dịch vụ phát thanh, truyền hình			

1	Trên dịch vụ truyền hình cáp IPTV	Theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 84:2014/BTTTT về chất lượng dịch vụ IPTV trên mạng viễn thông công cộng	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng của đơn vị đo kiểm có năng lực trong danh sách các đơn vị đo kiểm được Bộ Thông tin và Truyền thông quy định là phòng đo kiểm được chỉ định theo quy định pháp luật. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	Cung cấp kết quả đo có xác nhận của “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định”.
2	Trên dịch vụ phát thanh, truyền hình trên mạng Internet (OTT TV)	Theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 10298 : 2014 Tín hiệu truyền hình Internet - Yêu cầu kỹ thuật.	- Căn cứ kết quả đo trong vòng 24 tháng. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt	+ Trường hợp chưa có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện, đơn vị tự thực hiện. + Trường hợp có “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” đủ năng lực thực hiện đo kiểm tiêu chí này, đơn vị phải cung cấp kết quả đo trong vòng 24 tháng do “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” có năng lực thực hiện.

Ghi chú

a) Các yêu cầu đáp ứng tại Tiêu chí nêu trên tham chiếu tới các Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đã được ban hành. Trường các Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nêu trên được cập nhật phiên bản mới hoặc được thay thế, các Tiêu chí sẽ tự động tham chiếu tới các phiên bản Tiêu chuẩn, Quy chuẩn cập nhật, thay thế;

b) Danh sách “Phòng đo kiểm được Bộ TTTT chỉ định” được Bộ Thông tin và Truyền thông công bố và cập nhật tại địa chỉ tên miền: <https://www.mic.gov.vn/mra/Pages/trangchu.aspx>.

3. Tiêu chí về lưu trữ sản phẩm chương trình phát thanh, chương trình truyền hình

STT	Tên tiêu chí	Yêu cầu đáp ứng	Phương pháp xác định	Ghi chú
1	Quy cách lưu trữ sản phẩm	Theo hợp đồng đặt hàng và/hoặc theo quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền.	- Đối chiếu với hợp đồng đặt hàng hoặc quyết định phê duyệt. - Đáp ứng yêu cầu, đánh giá Đạt.	Phương thức lưu trữ sản phẩm đặt hàng để phục vụ công tác nghiệm thu

Điều 5. Giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng

1. Giám sát, đánh giá

a) Sở Thông tin và Truyền thông giám sát, đánh giá tiêu chí nội dung, kỹ thuật, lưu trữ sản phẩm các chương trình đặt hàng tuyên truyền của UBND tỉnh và theo lĩnh vực chuyên môn quản lý;

b) Các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ đặt hàng tuyên truyền chuyên ngành chủ động giám sát, đánh giá tiêu chí nội dung, kỹ thuật, lưu trữ sản phẩm chương trình đặt hàng tuyên truyền theo lĩnh vực chuyên môn quản lý.

2. Kiểm định chất lượng

Khi cần kiểm tra hoặc có văn bản đề xuất kiểm tra chất lượng tín hiệu kỹ thuật đặt hàng tuyên truyền của cơ quan, đơn vị, Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí thuê kiểm định tín hiệu về tiêu chuẩn kỹ thuật đối với Đài Phát thanh - Truyền hình Tây Ninh (nếu có). Trong đó:

a) Trường hợp chất lượng tín hiệu các chương trình đặt hàng đúng quy định tại hợp đồng ký kết giữa hai đơn vị, chi phí thuê kiểm định sẽ do Sở Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm vụ chi trả;

b) Trường hợp chất lượng tín hiệu các chương trình đặt hàng không đúng quy định tại hợp đồng ký kết giữa hai đơn vị, chi phí thuê kiểm định sẽ do Đài Phát thanh - Truyền hình Tây Ninh chịu trách nhiệm chi trả.

Điều 6. Kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công

1. Kiểm tra sản phẩm dịch vụ công

Cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng tuyên truyền với Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh kiểm tra các sản phẩm đã phát sóng và có quyền không nghiệm thu sản phẩm đã phát sóng nếu sản phẩm không đảm bảo yêu cầu quy định tại hợp đồng đã ký kết.

2. Nghiệm thu sản phẩm dịch vụ công

a) Phương thức bàn giao sản phẩm dịch vụ công

Đối với chương trình do Sở Thông tin và Truyền thông đặt hàng: Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh chịu trách nhiệm lưu trữ sản phẩm trên máy chủ lưu trữ của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh và cấp tài khoản để Sở Thông tin và Truyền thông truy cập, kiểm tra nội dung, số lượng, thời lượng các chương trình đặt hàng và nghiệm thu sản phẩm.

Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Do hai bên quy định cụ thể trong hợp đồng nhưng không được trái với quy định pháp luật;

b) Thời gian bàn giao sản phẩm dịch vụ công

Đối với chương trình do Sở Thông tin và Truyền thông đặt hàng: Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh bàn giao sản phẩm trước ngày 07 hàng tháng, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh phải cập nhật đầy đủ các chương trình đặt hàng trong tháng trước liền kề lên máy chủ lưu trữ. Đối với tháng 12, phải hoàn thành việc cập nhật chương trình đặt theo tiến độ phát sóng hằng ngày và hoàn thành trong ngày 31/12.

Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Do hai bên thỏa thuận cụ thể trong hợp đồng;

c) Nội dung bàn giao sản phẩm dịch vụ công

Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm theo mẫu 01 kèm theo Quyết định này.

Sản phẩm bàn giao bao gồm: Lịch phát sóng các chương trình hàng ngày bằng bản điện tử có chữ ký số; kịch bản chi tiết chương trình đặt hàng bằng bản điện tử; danh mục đường dẫn (link) sản phẩm đã đăng tải trên mạng internet (nếu có) và file thành phẩm chương trình phát thanh, truyền hình.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao nhiệm vụ đặt hàng với Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, các cơ quan, đơn vị có trách nhiệm gửi Biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm theo mẫu 01; đánh giá kết quả tuyên truyền đặt hàng theo mẫu 02 kèm theo Quyết định này về Sở Thông tin và Truyền thông theo dõi để bảo đảm sản phẩm đã phát sóng của cơ quan, đơn vị đặt hàng không trùng lặp nội dung tuyên truyền của UBND tỉnh giao Sở Thông tin và Truyền thông đặt hàng. Đồng thời, Sở Thông tin và Truyền thông có cơ sở báo đánh giá kết quả tuyên truyền đặt hàng tuyên truyền gửi UBND tỉnh;

d) Thời gian nghiệm thu

Đối với chương trình do Sở Thông tin và Truyền thông đặt hàng: Thời gian nghiệm thu theo từng quý, chậm nhất 30 ngày sau khi nhận bàn giao đủ sản phẩm của các tháng trong quý.

Đối với chương trình do các cơ quan, đơn vị, địa phương đặt hàng: Thời gian nghiệm thu theo thỏa thuận trong hợp đồng;

đ) Thanh toán

Tạm ứng được quy định cụ thể trong Hợp đồng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Chậm nhất 30 ngày, kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu và các chứng từ có liên quan, cơ quan, đơn vị, địa phương phải thanh toán chi phí đặt hàng cho Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh theo quy định.

Việc nghiệm thu, thanh toán thực theo Hợp đồng đã ký kết và theo quy định tại Điều này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước Tây Ninh, Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh, các cơ quan, đơn vị có liên quan việc đặt hàng tuyên truyền hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

2. Giao Sở Thông tin và Truyền thông ban hành quyết định thành lập hội đồng thẩm định đánh giá kết quả, nghiệm thu, quyết toán sản phẩm đặt hàng với Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh theo quy định.

3. Trong quá trình triển khai, thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân phản ánh bằng văn bản về Sở Thông tin và Truyền thông để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, điều chỉnh phù hợp tình hình thực tế tại địa phương.

(Kèm theo Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

(Kèm theo Quyết định số

[illegible]

Mẫu 02

(Kèm theo Quyết định số/2023/QĐ-UBND ngày tháng năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh)

CƠ QUAN CHỦ QUẢN
(CƠ QUAN, ĐƠN VỊ THỰC HIỆN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....-.....

Tây Ninh, ngày ... tháng năm 20....

V/v đánh giá kết quả đặt hàng tuyên
truyền.....

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông.

Thực hiện Quyết định số/2023/QĐ-UBND ngày/....../2023 của UBND tỉnh ban hành ban hành Quy định tiêu chí chất lượng sản phẩm, dịch vụ công; giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và kiểm tra, nghiệm thu sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước theo hình thức đặt hàng đối với hạng mục sản xuất, truyền dẫn, phát sóng chương trình phát thanh, truyền hình của Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh;

Căn cứ biên bản nghiệm thu, bàn giao sản phẩm giữa Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh và.....ngày...../...../20.....;

Sau khi kiểm tra nội dung các chương trình tuyên truyền
....., (đơn vị).....
.....nhận xét, xác nhận Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh đã thực
hiện năm 202....như sau:

1. Nội dung tuyên truyền:
2. Chất lượng chương trình:
3. Tồn tại, hạn chế:
4. Phiếu đánh giá kết quả tuyên truyền cụ thể:

PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRUYỀN TRUYỀN

TT	Nội dung tuyên truyền	Đánh giá nội dung	Thời lượng	Thời gian phát sóng	Ghi chú
I	Truyền hình		-	-	
1	Chuyên mục 1: Tên chuyên mục				
	Số 1	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Ghi các nguyên nhân chủ quan/khách quan/ bất khả kháng không đạt và kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch
	Số 2				
	...				
2	Chuyên mục 2: Tên chuyên mục				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				

3	<i>Chuyên mục 3: Tên chuyên mục</i>				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				
4	<i>Chuyên mục 4: Tên chuyên mục</i>				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				
II	Phát thanh				
1	<i>Chuyên mục 1: Tên chuyên mục</i>				
	Số 1	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Đúng theo Kế hoạch ghi: Đạt; Không đúng với Kế hoạch ghi: Không đạt	Ghi các nguyên nhân chủ quan/khách quan/ bất khả kháng không đạt và kiến nghị điều chỉnh Kế hoạch
	Số 2				
	...				
2	<i>Chuyên mục 2: Tên chuyên mục</i>				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				
3	<i>Chuyên mục 3: Tên chuyên mục</i>				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				
4	<i>Chuyên mục 4: Tên chuyên mục</i>				
	Ghi tương tự chuyên mục 1				

Trên đây là nhận xét, đánh giá, xác nhận đối với các chương trình đặt hàng do Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh sản xuất, phát sóng của Sở....., kính gửi Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đài Phát thanh và Truyền hình Tây Ninh;
- Lưu: VT,

GIÁM ĐỐC